TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Cường Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và bà Ngô Thuỳ Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 2002 (Có mặt);

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn T, xã P, tỉnh Bắc Ninh).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

******* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1992; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/12/2022 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Uỷ ban nhân dân xã Đ). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh T ở thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến khoảng

tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm hay có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nghiện ma túy đá, mang tài sản của gia đình đi bán để trả nợ, ăn chơi. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2023. Hiện nay cháu đang ở với chị tại gia đình bố mẹ đẻ chị tại thôn T, xã C, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn T, xã P, tỉnh Bắc Ninh). Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị N yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi tuy nhiên tại phiên toà hôm nay chị thay đổi không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải đóng góp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về thu nhập: Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH Seojin Vina, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập khoảng 11 triệu - 12 triệu/tháng.

Về chỗ ở: Ông Đỗ Đình L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị H, sinh năm 1977 là bố mẹ đẻ chị đồng ý cho chị và con ở cùng sau khi ly hôn. Nếu chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ thì chị sẽ cho cháu học Trường Mầm non gần nhà để chị cũng như ông bà ngoại thuận tiện đưa đón cháu đi học.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống Đ các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh và làm việc cùng Công an xã Đ, tỉnh Bắc Ninh được biết hiện nay anh Nguyễn Hữu T vẫn trú tại thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Hữu T và tống Đ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật. Anh T nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không ký, không trả lời các câu hỏi của Toà án và không hợp tác làm việc.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong

quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn không không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N. Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2023, cho chị N chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không có, không xem xét giải quyết

- Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị N có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh Nguyễn Hữu T hiện trú tại thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 31/7/2025, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nên Toà án đã tiến hành hoãn phiên toà và ấn định thời hạn xét xử vào ngày 18/8/2025. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên xét xử, không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu T theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Hữu T kết hôn vào ngày 23/12/2022 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Hữu T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, chị N cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm hay có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con; thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nghiện ma túy đá, mang tài sản của gia đình đi bán để trả nợ, ăn chơi. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên toà, chị N xác định vợ chồng đến nay không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Anh T biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng không có lời trình bày, Toà án đã đến gia đình của anh T để làm việc, giao giấy triệu tập, thông báo của Toà án, anh T nhận nhưng không kí biên bản cũng như không trả lời các câu hỏi của Toà án hay đến Tòa án để làm việc.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N, anh T có xảy ra mâu thuẫn là có thật, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức, anh chị đã ly thân với nhau và không có biện pháp gì về đoàn tụ. Việc anh T không có lời trình bày hay đến Tòa án làm việc thể hiện anh không tôn trọng hôn nhân với chị N, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm và tự mình từ bỏ quyền lợi của bản thân. Chị Đỗ Thị N làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

2.2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2023. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thành Đ.

Xét yêu cầu nuôi cháu Thành Đ của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Về thu nhập hiện nay chị N đang làm tại công ty TNHH Seojin Vina, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập khoảng 11.000.000đ/tháng. Về chỗ ở: Chị N sẽ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng con sau ly hôn. Ông Đỗ Đình Lâm và bà Lê Thị Hà là bố mẹ đẻ chị N cũng đồng ý cho chị và con ở cùng sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng cần đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt và ổn định nhất cho các cháu, tránh sự xáo trộn không cần thiết, để cháu Đ được phát triển đầy đủ về

tâm, sinh lý. Chị N có đủ điều kiện về thu nhập và cũng như chỗ ở cho con. Anh T không hợp tác làm việc, tự bản thân anh đã tự từ bỏ quyền của mình. Hơn nữa, cháu Đ dưới 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật giao cháu Đ cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó cần giao cháu Nguyễn Thành Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên toà hôm nay chị thay đổi yêu cầu cấp dưỡng: Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của chị N là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị N. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Khi ly hôn tiếp tục giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2023 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002816 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh

Bắc Ninh, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Bắc Ninh). Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND/Phòng THADS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng